

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KINH MÔN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2024/HS-ST
Ngày 28-9-2024

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Văn Phúc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Chí Dũng và ông Nguyễn Thành Biên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ly – Thư ký viên Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa:

Bà Quách Thị Nền - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 65/2024TLST-HS ngày 30 tháng 8 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2024/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 9 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trương Công Đ**, sinh năm 2003, tại **K**, nơi ĐKKHKT: **Khu F, phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương**; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Trương Văn Đ1** và bà **Phạm Thị Q**; gia đình bị cáo có 02 chị em, bị cáo là con thứ 2; tiền án: Không; tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/5/2024, đến ngày 29/5/2024 chuyển tạm giam, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ **Công an thị xã K**. Bị cáo có mặt.

Người làm chứng: Anh **Ngô Đức K**, sinh năm 1986. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 24/12/2023 **Trương Công Đ** đi xe Bus đến khu vực **ga P thuộc huyện K, tỉnh Hải Dương**, mục đích tìm mua ma túy tổng hợp để bán và sử dụng. Tại đây **Đ** gặp 01 người thanh niên không quen biết, hỏi mua được 03 viên ma túy tổng hợp (gọi là “keo”) và 02 túi ma túy tổng hợp (gọi là “ke”) với tổng số tiền là 3.250.000 đồng. Sau khi mua được ma túy **Đ** cất giấu vào trong túi quần rồi đi xe bus về nhà. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày **Đ** nhận được điện thoại gọi đến của **Ngô Đức K**, sinh năm 1986, trú tại: **phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc** hỏi mua 03 viên ma túy “keo” và 02 túi ma túy “ke”. **Đ** đồng ý thống nhất giá là 400.000đồng/1 viên ma túy “keo” và 1.200.000đồng/1 chỉ ma túy “ke” và tiền công là 50.000 đồng. **K** hẹn **Đ** đem ma túy đến cửa **quán K1, ở: Khu dân cư T, phường H, thị xã K**. Sau đó **Đ** mượn xe mô tô nhãn hiệu PIAGGIO loại Liberty, biển số 34D1-083.86 của anh họ là **Trương Văn T**, sinh năm 1995, trú tại: **Khu F, phường P, thị xã K** đi đến điểm

hẹn. Đến khoảng 19 giờ 40 phút cùng ngày, khi đến gần cửa quán K1, Đ gọi điện thoại cho K ra lấy ma túy. Khi gặp K, Đ ném gói giấy ăn trong có 03 viên ma “keo” và 02 chỉ ma túy “ke” xuống vị trí chân K. Sau đó Đ nhắn tin số tài khoản của Đ cho K để chuyển khoản tiền mua ma túy. K đã chuyển khoản cho Đ số tiền 3.650.000 đồng. Sau đó K cầm số ma túy vừa mua được của Đ vào phòng hát số 5 quán K1 cùng Trần Quang T1, Bùi Văn H, Vũ Văn H1, Lò Thị L, Lò Thị V, Lò Thị H2, Nguyễn Văn N, Vũ Văn T2 sử dụng. Đến khoảng 21 giờ 20 phút cùng ngày thì Tổ công tác thuộc Công an thị xã K phối hợp cùng Công an phường H kiểm tra phòng hát số 5 phát hiện. Thu giữ trên mặt bàn 01 đĩa sứ hình tròn màu trắng bên trong đĩa có chất bột dạng tinh thể màu trắng (cho lượng chất bột dạng tinh thể màu trắng vào 01 túi nilon rồi cho vào phong bì niêm phong ký hiệu M1), 01 thẻ nhựa màu xanh loại thẻ ATM, 01 ống hút được quấn bằng tờ tiền Polime mệnh giá 10.000 đồng, 01 vỏ túi nilon kích thước (2x2)cm (cho đĩa sứ, ống hút, thẻ nhựa và vỏ túi nilon vào thùng bìa catton niêm phong ký hiệu M2); Thu giữ trên ghế sắt bên tay phải vị trí T1 đang ngồi 01 túi nilon kích thước (2x2)cm bên trong chứa chất tinh thể màu trắng (niêm phong ký hiệu M3). Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, niêm phong vật chứng.

Sau khi phạm tội Trương Công Đ đã bỏ trốn khỏi địa phương. Đến ngày 23/5/2024, Đ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã K đầu thú và giao nộp 01 chiếc điện thoại di động loại NOKIA 105, kèm sim. Trong thời gian bỏ trốn, Đ không có hành vi vi phạm pháp luật.

Tại bản Kết luận giám định số 45 ngày 25/12/2023 của Phòng K2 Công an tỉnh H: Chất bột màu trắng trong túi nilon màu trắng được niêm phong trong phong bì ký hiệu M1, gửi đến giám định khối lượng là: 0,071g là ma túy loại Ketamine; Chất bột bám dính trên bề mặt đĩa sứ, chất bột màu trắng bám dính trên thẻ nhựa ATM, bám dính trong lòng ống hút được cuộn bằng tờ tiền polime mệnh giá 10.000đồng, bám dính trong túi nilon màu trắng, đều được niêm phong trong hộp bìa catton ký hiệu M2, gửi đến giám định, là ma túy loại Ketamine, lượng mẫu bám dính rất nhỏ nên không xác định được khối lượng; Chất rắn (dạng tinh thể) màu trắng trong túi nilon màu trắng, được niêm phong trong phong bì ký hiệu M3, gửi đến giám định khối lượng là: 0,717g là ma túy loại Ketamine.

Về vật chứng: Số vật chứng do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã K thu giữ nêu trên đã được giải quyết tại Bản án hình sự sơ thẩm số 65 ngày 15/8/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn; 01 chiếc điện thoại di động loại NOKIA 105 màu đen, kèm sim thu của Đ được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn để quản lý.

Đối với số tiền 3.650.000 đồng do bán ma túy có được, Đ đã chi tiêu cá nhân hết nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu PIAGGIO loại Liberty, biển số 34D1-083.86, Đ điều khiển đi bán ma túy, là tài sản của anh Trương Văn T, Đ đã trả xe máy cho anh T, hiện anh T đã bán xe máy cho một người không quen biết nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Tại bản Cáo trạng số 64/CT-VKS ngày 30/8/2024, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương truy tố **Trương Công Đ** về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự (sau đây gọi tắt là: BLHS).

Tại phiên tòa:

* Kiểm sát viên thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử tại phiên tòa trình bày quan điểm giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố. Trên cơ sở phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hậu quả, điều kiện, nguyên nhân phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây gọi tắt là: HĐXX) xử:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Trương Công Đ** phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy.

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 251, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS: Xử phạt bị cáo **Trương Công Đ** từ 27 tháng đến 30 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 23/5/2024.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 của BLHS; điểm a, b khoản 2 Điều 106 của BLTTHS: Tịch thu cho tiêu hủy 01 sim điện thoại số 0976168569. Tịch thu phát mại nộp ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động loại NOKIA 105 màu đen. Truy thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 3.650.000 đồng đối với bị cáo **Đ**.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

* Bị cáo thành khẩn khai báo, công nhận Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn truy tố bị cáo về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo khoản 1 Điều 251 BLHS là đúng và đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng:* Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an thị xã K**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] *Về chứng cứ xác định bị cáo **Trương Công Đ** có tội và áp dụng pháp luật:* Lời khai tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, các chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ và được thẩm tra tại phiên tòa, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 19 giờ 40 phút ngày 24/12/2023, tại khu vực trước cửa **quán K1, ở Khu dân cư T, phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương**; **Trương Công Đ** có hành vi bán chất ma túy loại Ketamine cho **Ngô Đức K** lấy số tiền 3.650.000 đồng. Đến ngày 23/5/2024, **Đ** đến Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thị xã K** đầu thú.

[3] Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình xâm phạm chế độ quản lý của Nhà nước về chất ma túy nhưng vì

muốn kiếm lời nên bị cáo đã cố ý bán trái phép chất ma túy. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn truy tố để Tòa án xét xử bị cáo về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo khoản 1 Điều 251 BLHS là có căn cứ pháp luật.

[4] *Về tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, HĐXX xác định là tội phạm nghiêm trọng. Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo đầu thú và thành khẩn khai báo hành vi phạm tội nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

[5]. Từ những nhận định trên, HĐXX thấy cần áp dụng hình phạt tù với thời gian phù hợp theo quy định tại Điều 38 BLHS để cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm giáo dục bị cáo trở thành công dân biết tuân thủ pháp luật, đồng thời đảm bảo tính răn đe, phòng ngừa tội phạm.

[6]. *Về hình phạt bổ sung:* Bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] *Về xử lý vật chứng:* Vật chứng đã được giải quyết tại Bản án hình sự sơ thẩm số 65 ngày 15/8/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn. Đối với 01 chiếc điện thoại di động loại NOKIA 105 màu đen bị cáo giao nộp, bị cáo đề nghị không nhận lại nên tịch thu phát mai sung ngân sách Nhà nước, tiêu hủy gói sim trong điện thoại. Số tiền 3.650.000 đồng bị cáo bán ma túy mà có, bị cáo đã chi tiêu hết nên cần truy thu nộp ngân sách Nhà nước.

[8] *Về án phí:* Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[9]. Trong vụ án này:

9.1. Đối với hành vi Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của **Ngô Đức K** đã được xét xử tại Bản án hình sự sơ thẩm số 65 ngày 15/8/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn.

9.2. Đối với anh **Trương Văn T** cho **Trương Công Đ** mượn xe mô tô biển số 34D1-083.86, nhưng anh **T** không biết **Đ** sử dụng xe để đi bán ma túy, nên không xử lý đối với anh **T**.

9.3 Đối với người đàn ông bán ma túy cho **Trương Công Đ**, tài liệu điều tra không xác định được là ai, ở đâu, nên không có căn cứ xử lý

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 251; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

1/ Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Trương Công Đ** phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

2/ Về hình phạt: Xử phạt bị cáo **Trương Công Đ** 02 năm 04 tháng (Hai năm bốn tháng) tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 23/5/2024.

3/ Về biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 của BLHS; điểm a, b khoản 2 Điều 106 của BLTTHS: Tịch thu phát mại sung ngân sách Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động loại NOKIA 105 màu đen, tiêu hủy phôi sim trong điện thoại. Truy thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 3.650.000 đồng đối với bị cáo **Trương Công Đ.**

(Vật chứng nêu trên hiện đang được lưu kho của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn. Đặc điểm vật chứng theo biên bản bàn giao vật chứng giữa Công an thị xã K và Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn ngày 26/9/2024).

4/ Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của BLTTHS; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo **Trương Công Đ** phải chịu 200.000^đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5/ Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- Bị cáo Trương Công Định;
- VKSND thị xã Kinh Môn;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- CA thị xã Kinh Môn;
- Nhà tạm giữ – Công an TX Kinh Môn;
- Cơ quan THAHS;
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Văn Phúc